ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2025/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 06 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 550/TTr-SNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của phụ lục II Đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng thuộc lĩnh vực trồng trọt tại Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) gồm: Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây hàng năm: Cây chuối (số thứ tự 29), cây đu đủ (số thứ tự 30); Mật độ đối với cây lâu năm: Cây vú sữa (số thứ tự 53), cây dừa, cau, trứng gà, roi, sung, dâu da xoan, cọ dầu, móc mật, lựu, thị, chay, cóc, khế, me, muỗng, quéo, dâu ăn quả, nhót (số thứ tự 55)".

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với trường hợp nội dung liên quan đến Quyết định này đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định đã phê duyệt.

b) Đối với trường hợp nội dung liên quan đến Quyết định này chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện theo Quyết định này.

3. Trong quá trình áp dụng Quyết định này, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (theo Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 20 /2025/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
A	**CÂY HÀNG NĂM**		
29	Chuối (Mật độ không quá 2.000 khóm/ha)		
	- Cây chưa có buồng	Đồng/khóm	50.000
	- Cây có buồng	Đồng/khóm	104.000
30	Đu đủ (Mật độ không quá 2000 cây/ha)		
	- Cây chưa có quả	Đồng/cây	50.000
	- Cây có quả	Đồng/cây	400.000
B	**CÂY LÂU NĂM**		
53	Vú sữa (Mật độ không quá 300 cây/ha)		
55	Dừa (Mật độ không quá 180 cây/ha), cau (Mật độ không quá 1.600 cây/ha), trứng gà (Mật độ không quá 625 cây/ha), roi (Mật độ không quá 500 cây/ha), sung (Mật độ không quá 625 cây/ha), dâu da xoan (Mật độ không quá 625 cây/ha), cọ dầu (Mật độ không quá 625 cây/ha), móc mật (Mật độ không quá 1.100 cây/ha), lựu (Mật độ không quá 625 cây/ha), thị (Mật độ không quá 180 cây/ha), chay (Mật độ không quá 280 cây/ha), cóc (Mật độ không quá 625 cây/ha), khế (Mật độ không quá 500 cây/ha), me (Mật độ không quá 180 cây/ha), muỗng (Mật độ không quá 400 cây/ha), quéo (Mật độ không quá 400 cây/ha), dâu ăn quả (Mật độ không quá 42.000 cây/ha), nhót (Mật độ không quá 830 cây/ha).		